

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86 /2020/HC-PT

Ngày 22 - 5 - 2020

V/v **kiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Bảo Vĩnh;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại P: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 334/2019/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2019 về “**kiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai**”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 61/2019/HC-ST ngày 19 tháng 08 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3338/2020/QĐPT-HC ngày 06 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn X, xã Z, huyện Y, tỉnh H. Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch UBND tỉnh H. Vắng mặt, có văn bản số 1617 ngày 15/5/2020 đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn B, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H. Có mặt.

- Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh H.

- UBND huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Y: Ông Nguyễn Văn D: Phó Chủ tịch UBND huyện Y (văn bản ủy quyền ngày 15/5/2020). Vắng mặt, có văn bản ngày 15/5/2020 đề nghị xét xử vắng mặt.

- **UBND xã Z**, huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964. Nơi cư trú: thôn X, xã Z, huyện Y, tỉnh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 2014, thực hiện dự án mở rộng nâng cấp Quốc lộ 37 và mở nút giao lập thể đoạn qua xã Z, UBND huyện Y đã thực hiện quy trình thu hồi đất GPMB. Quá trình triển khai thực hiện, UBND xã Z có Thông báo số 83/TB - UBND ngày 11/9/2014 về việc xác định lưu không đường Quốc lộ 37 theo GCNQSDĐ, phục vụ công tác giải phóng mặt bằng xây dựng đoạn tuyến nối nút lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt P - Q, Quốc lộ 5 và đường 390 tỉnh H với Quốc lộ 37.

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị A có diện tích sân bê tông dài: 5.25m, rộng: 7,2m, diện tích: 20,3m² bị thu hồi nhưng tại Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 08/9/2015 của UBND huyện Y và Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND huyện Y về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, gia đình không được bồi thường 20,3m² với giá đất ở.

Ngày 10/10/2016 bà A khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Y, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1367 ngày 27/4/2017 không chấp nhận khiếu nại của bà. Ngày 02/5/2017, bà A tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh H, Chủ tịch UBND tỉnh H có Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 1251 ngày 23/4/2018 giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 của Chủ tịch UBND huyện Y.

Đơn khởi kiện ngày và lời trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm của bà Nguyễn Thị A có nội dung:

Gia đình bà sử dụng diện tích đất tại thôn X, xã Z, huyện Y, tỉnh H do nhận chuyển nhượng của ông Mạc Văn S, khi con đường M cũ chưa làm Quốc lộ 37, đất của bà đến sát mép đường,

Nguồn gốc đất của ông S (trước khi chuyển nhượng cho vợ chồng bà) mua của UBND xã Z từ năm 1988 có chiều dài thửa đất phía sau giáp ruộng nước, phía mặt tiền giáp đường nhựa Quốc lộ 37. Diện tích đất này, ông S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 270 m² thửa 55, tờ bản đồ số 06. Hình thể thửa đất cạnh dài 21m, cạnh rộng 13m. Năm 2002 ông Mạc Văn S được cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất, về diện tích, hình thể được giữ nguyên.

Năm 1990 ông S có chuyển nhượng một phần diện tích đất cho vợ chồng bà bằng miệng, vợ chồng bà đã xây tường bao kiên cố, quản lý, sử dụng không có tranh chấp. Đến năm 1998 ông S có đơn chuyển nhượng quyền sử dụng cho vợ chồng bà, có xác nhận của UBND xã Z, huyện Y. Gia đình bà đã xây nhà kiên cố trên diện tích đất đó.

Năm 2012, ông Mạc Văn S đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho vợ chồng ông bà diện tích 134m². Thửa đất số 55, diện tích 134m² mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị A từ ngày 04/7/2012 và được đính chính tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Mạc Văn S ngày 26/6/2002.

Bà Nguyễn Thị A yêu cầu:

1. Hủy Thông báo số 83/TB - UBND ngày 11/9/2014 của UBND xã Z về việc xác định lưu không đường Quốc lộ 37 theo GCNQSDĐ, phục vụ công tác giải phóng mặt bằng xây dựng đoạn tuyến nối nút lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt P - Q, Quốc lộ 5 và đường 390 tỉnh H với Quốc lộ 37.

2. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1367/QĐ - UBND ngày 27/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y.

3. Hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 1251 ngày 23/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh H.

4. Hủy một phần Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 08/9/2015 của UBND huyện Y về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi GPMB đối với dự án: Xây dựng nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt P - Q, Quốc lộ 5 và đường 390 với Quốc lộ 37 (Đợt 2 đối với đất ở, tại xã Z) phần bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất dự án đầu tư: Xây dựng đoạn tuyến nối nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt P - Q, Quốc lộ 5 và đường 390 với Quốc lộ 37 (Đợt 2 đối với đất ở, tại xã Z) đối với gia đình ông Nguyễn Văn C.

5. Hủy một phần Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND huyện Y về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi GPMB đối với dự án: Xây dựng nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt P - Q, Quốc lộ 5 và đường 390 với Quốc lộ 37 phần bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất dự án đầu tư: Xây dựng đoạn tuyến nối nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt P - Q, Quốc lộ 5 và đường 390 với Quốc lộ 37 (Đợt 2 đối với đất ở, tại xã Z) đối với gia đình ông Nguyễn Văn C.

6. Yêu cầu bồi thường theo đất ở đối với diện tích đất thực tế gia đình sử dụng ổn định gồm: diện tích sân bê tông dài 5.25m rộng 7.2m (diện tích 37,8m²) và diện tích đất 20,3m² dưới một phần nhà kiên cố hai tầng và nhà mái tôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà A bổ sung thêm các yêu cầu khởi kiện; Yêu cầu UBND huyện Y bồi thường toàn bộ thửa đất dài 21m (trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) vì sau khi hoàn thành dự án sẽ bị hạn chế khả năng sử dụng đất; bồi thường giá trị nhà ở hiện nay do phải tháo dỡ một phần phía trước và

phần còn lại vừa bị hạn chế về khả năng sử dụng đất vừa phải phá phần móng nhà. Bồi thường phần tài sản là diện tích sân bê tông.

- Yêu cầu cải chính về thông tin gia đình bà không chấp hành chủ trương của Nhà nước khi thu hồi đất bằng việc niêm yết công khai thông tin cải chính, trên phương tiện thông tin đại chúng của huyện Y và xã Z.

- Xem xét hành vi cưỡng chế đất đai của UBND xã Z diễn ra vào ngày 30/7/2015.

- Bồi thường thu nhập bị giảm sút do hành vi cưỡng chế đất đai của UBND xã Z dẫn đến ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của gia đình.

Người bị kiện trình bày:

- UBND xã Z do người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch UBND xã trình bày:

Năm 2014 thực hiện dự án mở rộng nâng cấp Quốc lộ 37 và mở nút giao lập thể đoạn qua xã Z, UBND xã đã họp các hộ dân có liên quan đến đất bị thu hồi do phần lưu không Quốc lộ 37 có nhiều đoạn khác nhau nên đa số các hộ dân (trừ 03 hộ, trong đó có hộ gia đình ông C, bà A) thống nhất xác định lưu không đường là 6,7 m. Nên ngày 11/9/2014, UBND xã Z, huyện Y đã ra Thông báo số 83/TB - UBND về việc các hộ dân không thống nhất về xác định lưu không đường đến Bí thư chi bộ và Trưởng thôn để thông báo cho người dân biết thực hiện theo quy định.

- Chủ tịch UBND huyện Y trình bày:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị A UBND huyện Y đã tiến hành kiểm tra, xác minh thực tế hiện trạng, nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình bà A, xác định:

Thửa đất hộ bà Nguyễn Thị A đang sử dụng có nguồn gốc do UBND xã Z giao đất có thu tiền cho hộ ông Mạc Văn S. Năm 1990, ông Mạc Văn S đã được UBND tỉnh H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 403292 diện tích 270m². Năm 2002, ông S được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 346792 ngày 26/6/2002 tại Giấy chứng nhận thể hiện lưu không là 9.0m tính từ mép đường nhựa Quốc lộ 37, kích thước dài 21m, rộng 13m, diện tích 270m².

Ngày 28/5/2012, ông Mạc Văn S chuyển nhượng diện tích đất 134m² (Đất ở 100m², đất cây lâu năm 34m²) cho ông C, bà A, được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y ký xác nhận thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/9/2011. Bà A đã xác định việc UBND huyện xác định lưu không đường 183 cũ tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V346792 là 9.0m là đúng, gia đình không thắc mắc.

Thửa đất của bà A được xác định trong cùng đoạn có lưu không đường quốc lộ 37 là 9.0 tính từ mép đường nhựa Quốc lộ 37. Ranh giải phóng mặt bằng được xác định bình quân là 7,5m (thuộc lưu không 9,0m tính từ mép đường

nhựa Quốc lộ 37), do đó khi xác định diện tích nguồn gốc đất khi thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện dự án thì hộ gia đình bà A không có diện tích nằm trong khu vực bị thu hồi đất và không được bồi thường, hỗ trợ.

Việc HĐBT huyện lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đúng quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ, các giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất do các hộ cung cấp và hướng dẫn của UBND tỉnh H tại Công văn số 2261/UBND - VP ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh H. Việc xác định nguồn gốc đất của các hộ là theo GCN quyền sử dụng đất các hộ đã được cấp.

Quá trình lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi giải phóng mặt bằng, một số hộ dân có ý kiến liên quan đến việc xác định lưu không đường Quốc lộ 37. UBND huyện đã báo cáo, xin ý kiến của UBND tỉnh và các sở, ngành chức năng của tỉnh. Căn cứ vào quy định của pháp luật và Công văn số 2261/UBND - VP ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh H, HĐBT giải phóng mặt bằng huyện đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án. Theo đó, hộ bà Nguyễn Thị A được xác định lưu không Quốc lộ là 9.0m tính từ mép đường nhựa Quốc lộ 37 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND huyện Y cấp.

Ngày 06/01/2015, HĐBT GPMB huyện đo đạc kiểm đếm khối lượng, trong đó có hộ gia đình bà Nguyễn Thị A, đồng thời lập phương án hỗ trợ, cụ thể: Bà A theo phương án bồi thường, hỗ trợ số tiền là 83.289.000 đồng.

Ngày 24/8/2015, HĐBT GPMT huyện đo đạc kiểm đếm đợt 2 đối với phần mi nhà trong đó có hộ bà A, đồng thời lập phương án hỗ trợ, cụ thể: bà A theo phương án bồi thường số tiền là 18.427.000 đồng tuy nhiên hộ gia đình bà A không ký biên bản đồng thời có ý kiến không đồng ý với lưu không đường quốc lộ 37 là 9,0m.

Ngày 08/9/2015, UBND huyện có Quyết định số 2617/QĐ - UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất GPMB đối với dự án xây dựng nút giao lập thể (đợt 2 đối với đất ở tại xã Z). Theo phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản và cây cối hoa màu được duyệt các hộ được bồi thường, hỗ trợ cụ thể: bà A: 101.716.000 đồng nhưng bà A không ký biên bản đồng thời có ý kiến không đồng ý với lưu không đường Quốc lộ 37 là 9,0m.

Ngày 23/11/2015, UBND huyện có Quyết định số 4030/QĐ – UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất GPMB đối với dự án xây dựng nút giao lập thể, theo đó, các hộ dân được phê duyệt bổ sung, cụ thể bà A – phương án bồi thường 10.367.000 đồng nhưng bà A không ký biên bản đồng thời có ý kiến không đồng ý với lưu không đường Quốc lộ 37 là 9,0m. Thời điểm hiện tại, hộ gia đình bà A chưa nhận tiền đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

UBND huyện Y đã phê duyệt phương án bồi thường là đúng quy định và Chủ tịch UBND huyện Y ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số

1367/QĐ - UBND ngày 27/4/2017 không chấp nhận khiếu nại của bà A là có căn cứ.

UBND huyện Y, Chủ tịch UBND huyện Y không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

- *Chủ tịch UBND tỉnh H trình bày:*

Sau khi nhận được đơn khiếu nại lần 2 của bà A, Chủ tịch UBND tỉnh H đã giao cho Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh xác minh và xác định:

Nguồn gốc đất hộ gia đình bà A, ông C sử dụng tại thôn X, xã Z, huyện Y, tỉnh H có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của ông Mạc Văn S.

Nguồn gốc đất mà ông S chuyển nhượng cho ông C, bà A: năm 1990, hộ ông S đã được giao 270m² đất, chiều dài 21m, chiều rộng 13m không giáp đường M mà cách đường M thửa đất lưu không. Năm 2002, hộ ông S được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 270m² có chiều dài 21m, chiều rộng 13m và tại GCNQSD đất đã xác định rõ lưu không QL 37 còn lại là 9m tính từ mép đường.

Ngày 14/11/1998, hộ ông Mạc Văn S có đơn viết tay chuyển nhượng 135m² diện tích 270m² đất đã được cấp GCNQSD đất trên cho ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị A, đơn chuyển nhượng có chữ ký của ông S và có xác nhận của UBND xã Z, vị trí thửa đất ông S thể hiện trên giấy chuyển nhượng là phía Đông giáp nhà ông Hạ, phía Tây Bắc giáp bờ mương Hợp tác xã, phía Tây Nam giáp QL 183. Sau đó các bên chưa thực hiện các thủ tục chuyển nhượng tiếp theo theo quy định.

Sau khi được UBND huyện Y cấp đổi giấy chứng nhận năm 2002, hộ ông S mới chính thức lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hộ bà A, ông C ngày 28/5/2012 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y xác nhận tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông S ngày 04/7/2012.

Căn cứ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, GCNQSD đất và trích đo địa chính thửa đất hộ bà A do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y lập (có chữ ký của ông C, bà A) thì:

- Diện tích hộ bà A nhận chuyển nhượng của ông S là 134m², có chiều dài 21m, chiều rộng 6,5m. Vị trí đất bà A nhận chuyển nhượng cách lưu không QL 37 là 9m từ mép đường.

Do vậy, việc bà A cho rằng gia đình bà nhận chuyển nhượng của hộ ông S từ mép đường M bao gồm cả đất lưu không 9m từ mép đường là không có cơ sở.

Xác minh việc thu hồi đất phục vụ dự án cải tạo nâng cấp đường Quốc lộ 37 và nút giao lập thể đoạn qua xã Z thấy rằng việc sử dụng đất cho dự án chỉ nằm trên đất lưu không, không chiếm dụng vào đất mà bà A, ông C đã nhận chuyển nhượng.

Do đó Chủ tịch UBND tỉnh H đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 1251 ngày 23/4/2018 không chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị A, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 của Chủ tịch UBND huyện Y. Chủ tịch UBND tỉnh H xác định việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 1251 là đúng trình tự, thẩm quyền, đúng nội dung nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C nhất trí với nội dung, ý kiến trình bày của người khởi kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 61/HC-ST ngày 19/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Áp dụng các Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, điểm đ khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143; Điều 157; Điều 173; Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 69 Luật Đất đai; Điều 21, 22, 28, 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 18, 21 Luật giải quyết khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 quy định về án, lệ phí tòa án;

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu đề nghị Tòa án hủy Thông báo số 83/TB-UBND ngày 11/9/2014 của UBND xã Z.

2. Xử:

- Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đối với các nội dung:

2.1. Hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1367/QĐ - UBND ngày 27/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y.

2.2 Hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 1251/QĐ - UBND ngày 23/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh H.

2.3 Hủy một phần Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 08/9/2015 của UBND huyện Y về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi GPMB đối với dự án: Xây dựng nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt P - Q, Quốc lộ 5 và đường 390 với Quốc lộ 37 (Đợt 2 đối với đất ở, tại xã Z) phần bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất dự án đầu tư: Xây dựng đoạn tuyến nối nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt P - Q, Quốc lộ 5 và đường 390 với Quốc lộ 37 (Đợt 2 đối với đất ở, tại xã Z) đối với gia đình ông Nguyễn Văn C. Hủy một phần Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND huyện Y về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi GPMB đối với dự án: Xây dựng nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt P - Q, Quốc lộ 5 và đường 390 với Quốc lộ 37 phần bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất dự án đầu tư: Xây dựng đoạn tuyến nối nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt P - Q, Quốc lộ 5 và đường 390 với Quốc lộ 37 (Đợt 2 đối với đất ở, tại xã Z) đối với gia đình ông Nguyễn Văn C.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị A về việc buộc UBND huyện Y bồi thường đất bị thu hồi theo đất ở đối với diện tích đất thực tế gia

đình sử dụng ổn định gồm diện tích sân bê tông dài 5.25m rộng 7.2m (37,8m²) và diện tích đất 20,3m² dưới một phần nhà kiên cố hai tầng và nhà mái tôn; Bồi thường toàn bộ đất có chiều dài 21m (trong GCNQSD đất), giá trị ngôi nhà trên đất, tài sản là sân bê tông.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ án phí Hành chính sơ thẩm và 2.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, được đối trừ số tiền 300.000 đồng bà A đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001510 ngày 17/5/2018 của Cục Thi hành án tỉnh H và 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bà A đã nộp đủ.

Bản án sơ thẩm còn thông báo về quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định, bà Nguyễn Thị A kháng cáo. Đơn kháng cáo và đơn bổ sung ngày 12/11/2019 bà cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ chứng cứ do bà xuất trình và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu được bồi thường chi phí đi lại ...

Tại phiên tòa phúc thẩm bà A trình bày: Phần đất giáp đường mà UBND cho rằng thuộc 9m đất hành lang giao thông là không có căn cứ vì gia đình đã sử dụng ổn định từ năm 1988, đến ngày 01/3/1990 Hội đồng bộ trưởng mới có Quyết định số 60/HĐBT về cắm mốc giới. Bà thừa nhận phần đất giáp đường gia đình đang sử dụng nằm ngoài diện tích cấp GCNQSD đất nhưng đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng hợp pháp nên UBND không bồi thường với giá đất ở là không đúng. Đề nghị xem xét việc UBND huyện tổ chức cưỡng chế thu hồi đất gây thiệt hại cho gia đình và yêu cầu được thu hồi bồi thường toàn bộ nhà đất còn lại do nếu tiếp tục sử dụng thì gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Khi nhận được khiếu nại của bà A, Chủ tịch UBND tỉnh H đã tổ chức thanh tra kiểm tra và qua xem xét các bản đồ địa chính, hồ sơ cấp GCN cho ông Sách, cấp lại cho ông C, ông Thiệu là 2 người mà ông Sách chuyển nhượng, đều thể hiện đất hợp pháp trong GCN phía giáp đường có lưu không là 9m. Lưu không đường đã được quy định tại Nghị định 203 năm 1982 nên sau đó UBND huyện giao đất và cấp GCN đã trừ lưu không. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã trả lời bà A là có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng cáo của bà A với phân tích: Bản án sơ thẩm xác định Thông báo số 83 của UBND xã không phải đối tượng khởi kiện và đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy Thông báo này, là đúng. Bà A, ông C nhận chuyển nhượng đất từ anh trai ông C là ông S, nhưng UBND cấp đất cho ông S, cấp GCN cho ông S đều chỉ cấp cách lề đường 9m và đó là đất lưu không đường do UBND xã quản lý, sơ đồ thửa đất kèm GCN cũng thể hiện rõ, ông S, sau này là ông C, không khiếu nại thắc mắc gì. Tòa án sơ thẩm đã thẩm định tại chỗ cho thấy đất thu hồi không nằm trong GCN của ông C. Do đó, đất thu hồi không đủ điều kiện

để được bồi thường về đất ở, UBND huyện Y không bồi thường về đất nhưng đã bồi thường tài sản trên đất là có căn cứ. Việc giải quyết khiếu nại lần 1 và lần 2 của Chủ tịch UBND huyện Y và của Chủ tịch UBND tỉnh H đều đúng trình tự, thẩm quyền, đúng nội dung, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị A. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà A, áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của các bên; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết vụ án hành chính, xác định đối tượng khởi kiện vụ án hành chính đúng quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính; đã xác định đúng và đầy đủ người tham gia tố tụng.

- Kháng cáo của bà Nguyễn Thị A hợp lệ đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị A:

[2.1] Về kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét về việc cưỡng chế đất đai của UBND xã Z ngày 30/7/2015: Yêu cầu này người khởi kiện mới nêu ra tại phiên tòa sơ thẩm nên Bản án sơ thẩm xác định vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và căn cứ Điều 173 Luật tố tụng Hành chính, không xem xét, giải quyết trong vụ án này là đúng.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện hủy thông báo số 83 ngày 11/9/2014 của UBND xã Z:

Ngày 06/8/2014 và ngày 19/8/2014 UBND xã Z đã họp với các hộ dân để có sự thống nhất về lưu không đường Quốc lộ 37 khi thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 37 và nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt P - Q, Quốc lộ 5, đường 390 và Quốc lộ 37. Sau cuộc họp, UBND xã có thông báo số 83 gửi Bí thư chi bộ, Trưởng thôn X về kết quả hội nghị để thông báo cho các hộ dân biết. Thông báo này không làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích của cá nhân trong đó có hộ gia đình bà A nên không là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm đ khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143 Luật TTHC đình chỉ giải quyết yêu cầu này là đúng.

[2.3]. Về việc UBND huyện Y không bồi thường về đất thu hồi cho gia đình bà Nguyễn Thị A và việc giải quyết khiếu nại của bà A :

- Nguồn gốc đất bà A, ông C sử dụng có nguồn gốc là do ông Mạc Văn S được giao đất có thu tiền từ năm 1988, được cấp giấy chứng nhận QSD lần 1

năm 1990, lần 2 năm 2002 với diện tích 270 m², chiều dài thửa đất 21m, chiều rộng 13 m ranh giới cách mép đường nhựa Quốc lộ 37 là 9m. Năm 1990 ông S chuyển nhượng một phần diện tích đất cho em trai là ông Nguyễn Văn C (chồng bà A) nhưng không làm hợp đồng, đến ngày 14/11/1998 ông S mới có đơn xin chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn C, Lê Văn T mỗi hộ 135m², được UBND xã xác nhận đồng ý chuyển nhượng và đến năm 2011 mới làm thủ tục tách GCN cho ông Thiệu. Ngày 28/5/2012, ông C và vợ chồng ông S mới có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng ngày 28/5/2012 tại phòng công chứng số 2 tỉnh H và ngày 04/7/2012 đã được điều chỉnh biến động GCN sang tên ông C đối với 134m² (trong đó có 100m² đất ở và 34m² đất CLN). Theo hồ sơ địa chính và sơ đồ thửa đất ghi trong GCN cấp năm 2002, thửa đất phía ngoài giáp đất lưu không cách mép đường nhựa 9m.

Như vậy, vị trí thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông S, sau này là ông C, bà A, là sau phần lưu không đường 183 cách mép đường 9.0m.

- Khi kiểm kê, kiểm đếm đất và tài sản trên đất thu hồi, UBND huyện đã đo đạc và căn cứ bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ công tác kiểm đếm, GPMB dự án đầu tư xây dựng nút giao thông lập thể (do Trung tâm tài nguyên và Môi trường lập ngày 20/01/2015 – tờ số 6 – P1) thể hiện: Hộ gia đình đang sử dụng thửa số 11, diện tích 185,5m², loại đất ONT (02 cạnh chiều dài thửa đất là 26,46 và 25,74m) trong đó có 27,3m² thuộc hành lang giao thông QL 37, gồm: 19,6m² nằm trong phạm vi GPMB dự án nút giao thông lập thể; 7,7m² đất lưu không QL 37 còn lại không thuộc phạm vi GPMB. Sau khi trừ đi 20,3m² đất dự án chiếm dụng thì hiện trạng diện tích đất hộ bà A vẫn còn 165,2m² trong khi GCN chỉ có 134m²; còn sau khi trừ đi 27,3m² thuộc đất lưu không QL 37, diện tích đất hộ bà A còn lại là 158,3m², tăng 24,2m² so với 134m² nhận chuyển nhượng của hộ ông S, 02 cạnh dài tăng 1,19m và 1,22 m so với 21m nhận chuyển nhượng của hộ ông S.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án sơ thẩm tiến hành, hiện trạng sau thu hồi hộ gia đình bà A đang sử dụng diện tích 184,3m², các cạnh chiều dài đều trên 21m.

Do đó, đất thu hồi thuộc đất hành lang giao thông nên UBND huyện Y không bồi thường về đất là đúng quy định tại Điều 82 Luật đất đai.

Đất bị thu hồi thuộc đất lưu không đường, không thuộc diện tích đất ở hợp pháp của gia đình bà A nên không được bồi thường về đất mà chỉ được bồi thường tài sản, hoa màu trên đất. Tài sản trên đất đã được huyện ban hành Quyết định số 2617 ngày 08/9/2015 UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, hộ bà A được bồi thường tài sản nằm trong phạm vi GPMB gồm 01 lán xây gạch chỉ, sân bê tông đá, móng tường xây gạch ba banh, mi nhà, giàn trầu không số tiền 101.716.000 đồng. Ngày 23/11/2015 UBND huyện Y ban hành Quyết định số 4030 về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, theo đó gia đình hộ bà A được bồi thường, hỗ trợ thêm khoản tiền 10.367.000 đồng (hỗ

trợ bổ sung phần mi cửa bị tháo dỡ để sửa chữa hoàn thiện phần còn lại). Như vậy UBND huyện Y đã giải quyết bồi thường đúng quy định. Bà A đưa ra yêu cầu thu hồi bồi thường hết 21m dài đất còn lại bị ảnh hưởng, là không phù hợp quy định về căn cứ thu hồi đất cũng như thẩm quyền của Tòa án nên cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng.

Do đó, không có cơ sở để hủy các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ số 2617/QĐ-UBND và Quyết định số 4030/QĐ-UBND phân đổi với bồi thường, hỗ trợ đổi gia đình bà Nguyễn Thị A.

Bà A kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ tài liệu gì mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo yêu cầu được bồi thường về đất ở đối với đất thu hồi.

- Chủ tịch UBND huyện Y đã thực hiện đúng trình tự thủ tục thụ lý giải quyết khiếu nại và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 1367 ngày 27/4/2017 (xác định lưu không đường 9m) là đúng thẩm quyền, có căn cứ về nội dung nên không có căn cứ hủy Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y.

- Chủ tịch UBND tỉnh H thực hiện đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần 2 và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1251/QĐ-UBND ngày 23/4/2018. Tuy thời gian giải quyết khiếu nại có chậm so với quy định nhưng bảo đảm trình tự, thủ tục, thẩm quyền, có căn cứ về nội dung nên không có cơ sở để hủy quyết định này.

[3] Về kháng cáo yêu cầu bổ sung bồi thường án phí hành chính sơ thẩm, chi phí thẩm định sơ thẩm, án phí hành chính phúc thẩm, chi phí đi lại,...của bà trong quá trình tố tụng phúc thẩm tại Tòa án cấp cao, chi phí khác: Các quy định về chi phí tố tụng đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đúng. Kháng cáo không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí phúc thẩm.

Với phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo bà Nguyễn Thị A.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên **bà phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 241, Điều 242, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị A. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2019/HC-ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai **số AA 2000** của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H được đối trừ đi số tiền án phí phải nộp.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 22/5/2020.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương